

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC
TRUNG ƯƠNG

Số: 1204 /TB-VKNTTW
V/v báo giá chất chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư, hóa chất và chất chuẩn
Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương có nhu cầu mua sắm một số chất chuẩn cụ thể như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật	Số lượng
1.	Dược liệu chuẩn Ngũ bội tử	Tên latin: Galla chinensis (Dược liệu là tổ của ấu trùng sâu Ngũ bội tử [Melaphis chinensis (Bell.) Baker Syn. Schlechtendalia chinensis Bell.], ký sinh trên cây Muối tức cây Diêm Phu mộc (Rhus chinensis Muell.), họ Anacardiaceae. Đơn vị đóng gói: $\geq 0,5$ g/lọ	01 g
2.	Dược liệu chuẩn Cúc hoa	Tên latin: Chysanthemi Flos Tên latin cây: Chrysanthemum morifolium Ramat. (Fam. Compositae) Đơn vị đóng gói: ≥ 1 g/lọ	02 g
3.	Dược liệu chuẩn Thiên ma	Tên latin: Gastrodiae elatae Rhizoma Tên latin cây: Gastrodia elata Bl. Đơn vị đóng gói: $\geq 0,5$ g/lọ	01 g
4.	Acid gallic	CTPT: $C_7H_6O_5$ Cas number: 149-91-7 Hàm lượng: ≥ 95 % Đơn vị đóng gói: ≥ 250 mg	500 mg
5.	Acid betulinic	CTPT: $C_{30}H_{48}O_3$ Cas number: 472-15-1 Hàm lượng: ≥ 95 % Đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg	20 mg
6.	Astilbin	CTPT: $C_{21}H_{22}O_{11}$ Cas number: 29838-67-3 Hàm lượng: ≥ 95 % Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg
7.	Buddleoside (Acaciin)	CTPT: $C_{38}H_{32}O_{14}$ Cas number: 480-36-4 Hàm lượng: ≥ 95 % Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg

8.	3,5-O-dicaffeoyl quinic acid	CTPT: $C_{25}H_{24}O_{12}$ Cas number: 2450-53-5 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg
9.	3,6'- disinapoly sucrose	CTPT: $C_{34}H_{42}O_{19}$ Cas number: 139891-98-8 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg
10.	Gardenoside	CTPT: $C_{17}H_{24}O_{11}$ Cas number: 24512-62-7 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Đơn vị đóng gói : ≥ 10 mg)	60 mg
11.	Geniposid	CTPT: $C_{17}H_{24}O_{10}$ Cas number: 24512-63-8 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg
12.	Kirenol	CTPT: $C_{20}H_{34}O_4$ Cas number: 52659-56-0 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg
13.	Luteoloside (Luteolin 7- glucoside)	CTPT: $C_{21}H_{20}O_{11}$ Cas number: 5373-11-5 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Đơn vị đóng gói: ≥ 100 mg	100 mg
14.	Isorhyncophylline	CTPT: $C_{22}H_{28}N_2O_4$ Cas number: 6859-01-4 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg	20 mg
15.	Isoimperatorin	CTPT: $C_{16}H_{14}O_4$ Cas number: 482-45-1 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg	20 mg
16.	Nystose	CTPT: $C_{24}H_{42}O_{21}$ Cas number: 13133-07-8 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg
17.	Monotropein	CTPT: $C_{16}H_{22}O_{11}$ Cas number: 5945-50-6 Hàm lượng: $\geq 95\%$ Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg

18.	p-hydroxybenzyl alcohol	CTPT: C ₇ H ₈ O ₂ Cas number: 623-05-2 Hàm lượng: ≥ 95 % Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg
19.	Polygalaxanthone III	CTPT: C ₂₅ H ₂₈ O ₁₅ Cas number: 162857-78-5 Hàm lượng: ≥ 95 % Ít nhất 02 đơn vị đóng gói (01 đơn vị đóng gói: ≥ 20 mg, 01 đơn vị đóng gói : ≥ 100 mg)	120 mg

Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm gửi báo giá các chất chuẩn như trên, yêu cầu cụ thể về báo giá như sau:

- Đơn vị cung cấp có thể báo giá 1 hoặc nhiều danh mục trong danh sách trên;
- Giá chào hàng thống nhất là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ); giá chào hàng là giá bao gồm tất cả chi phí nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển và bàn giao tại Khoa dự trữ và Kho hóa chất của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương (48 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội) và các chi phí liên quan khác (nếu có);
- Báo giá phải ghi rõ thông số về mã hàng, hãng sản xuất, xuất xứ, số lượng và quy cách ký thuật cung cấp của hàng hóa chào giá;
- Hiệu lực của báo giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá;
- Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định;
- Đối với chất chuẩn

+ Trên chứng chỉ chất lượng của chất chuẩn phải có tối thiểu các thông tin: Công thức phân tử, công thức cấu tạo, tên khoa học, hàm lượng chất chuẩn (tính theo nguyên trạng hoặc có đủ thông tin, dữ liệu để quy đổi về hàm lượng theo nguyên trạng).

+ Ngày tái kiểm tra của chất chuẩn phải còn tối thiểu không dưới 1 năm kể từ ngày giao hàng. Thông tin về ngày tái kiểm tra của chất chuẩn phải được ghi rõ trên chứng chỉ chất lượng, hoặc có thể tra cứu trên website của nhà sản xuất, hoặc từ nguồn thông tin chính thức khác theo công bố của nhà sản xuất chất chuẩn.

- Đối với dược liệu chuẩn

+ Trên chứng chỉ chất lượng của dược liệu chuẩn phải có tối thiểu các thông tin: Tên latin của dược liệu đến loài, số lô.

+ Nhà thầu cam kết cung cấp dược liệu chuẩn là lô hiện hành và mới nhất của Viện Kiểm nghiệm thuốc và thực phẩm Trung ương Trung Quốc (National Institute for Food and Drug Control) - NIFDC - PRC. Các thông tin về dược liệu chuẩn phải được ghi rõ trên chứng chỉ chất lượng, hoặc có thể tra cứu trên website www.nifdc.org.cn, hoặc từ nguồn thông tin chính thức khác theo công bố của NIFDC - PRC.

- Báo giá được gửi về Phòng Vật tư - Trang thiết bị, Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương (Địa chỉ: Số 48 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội) trước 17 giờ 00, ngày 26/8/2026.

Các đơn vị cần tìm hiểu thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với Phòng Vật tư Trang thiết bị - Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương theo số điện thoại: 024.38256906.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- Tổ CNTT (đăng website của Viện);
- Lưu: VT, VTTTB.

